



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG ĐIỆN MÊ CA VNECO**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO công bố Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Điện.

Tháng 04 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊ CA VNECO. Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 8 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0303245217. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VES theo Quyết định số 72/QĐ-SGDHN ngày 05/02/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 18/03/2015.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016: 90.075.000.000 đồng.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 04/08/2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và đề xuất phương án trình Đại hội đồng cổ đông về việc xem xét chuyển nhượng Khách sạn Xanh Mê Ca tại số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và xem xét rút cổ phiếu Công ty (mã chứng khoán: VES) khỏi Sàn giao dịch chứng khoán.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 08. 5410 5273
- Fax: (84) 08. 5410 5274
- Website: www.mecavneco.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa – quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công – nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao), buôn bán đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 12 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|--|
| • Ông Lê Văn Khôi | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/08/2016 |
| • Ông Ngô Văn Cường | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012
Miễn nhiệm ngày 08/08/2016 |
| • Ông Lê Thạch Túy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Lê Chí Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Lâm Quốc Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Trần Quang Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Hồ Văn Quang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Nguyễn Văn Quảng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |
| • Ông Võ Thành Lương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2012 |

Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|----------------|--|
| • Ông Lê Văn Khôi | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/08/2016 |
| • Ông Lâm Quốc Hải | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09/10/2010
Miễn nhiệm ngày 08/08/2016 |
| • Ông Mai Thái Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 16/01/2013 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 04/08/2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và quyết định bổ nhiệm Ông Lê Văn Khôi làm Giám đốc kể từ ngày 08/08/2016 thay cho Ông Lâm Quốc Hải, thống nhất phê chuẩn việc Ông Ngô Văn Cường rút khỏi Hội đồng Quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị mới là Ông Lê Văn Khôi, đồng thời, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017. Hiện nay, Công ty vẫn chưa tiến hành cuộc họp Đại hội cổ đông bất thường để thông qua việc thay đổi nhân sự của Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Công ty cũng chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý để thay đổi người đại diện pháp luật nhưng Giám đốc Công ty sẽ chịu trách nhiệm phê duyệt và công bố báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Lê Văn Khôi

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2016



Số: 852/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 15/08/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Một số khoản nợ phải thu: 19.911.484.705 đồng và nợ phải trả 1.477.081.404 đồng đã tồn tại nhiều năm và chưa được đối chiếu, xác nhận. Ngoài ra, như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 19, khoản nợ phải trả số tiền 927.130.471 đồng không có chi tiết cụ thể theo tên đối tượng nợ. Do hạn chế phạm vi kiểm toán từ phía Công ty, chúng tôi không thể hoàn thành công việc soát xét và đưa ra kết luận về số dư của các khoản mục này.
2. Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh báo cáo tài chính số 10, 15 và số 28, trong kỳ Công ty đã hạch toán nhập kho nguyên vật liệu (422.441.834 đồng), ghi nhận vào khoản mục “Chi phí khác” (15.829.365.200 đồng); đồng thời phản ánh tương ứng khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam là 17.876.987.737 đồng (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng). Đây là các nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh từ năm 2007 đến năm 2010 nhưng đến nay mới được ghi nhận. Chúng tôi không được cung cấp tài liệu kế toán liên quan trực tiếp đến sự việc nêu trên trong các năm 2007 đến năm 2010. Chỉ với Biên bản làm việc giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam và Công ty ngày 22/5/2016, Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngày 25/05/2016 và Hóa đơn giá trị gia tăng của

Tổng Công ty xuất ngày 26/5/2016, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra kết luận về các nghiệp vụ kinh tế nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi xin lưu ý vấn đề được trình bày tại mục 34 của Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ: Lỗ lũy kế của Công ty tính đến ngày 30/06/2016 là 57.281.798.310 đồng. Tại thời điểm này, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản lưu động là 44.634.933.556 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.
2. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303245217 điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 13/12/2010, Công ty đăng ký vốn điều lệ là 150 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2016, vốn thực góp tại Công ty là 90,075 tỷ đồng.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.016.296.864	9.045.721.105
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.672.704.569	6.699.118.610
1. Tiền	111	5	2.672.704.569	6.699.118.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.556.002.686	1.902.658.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.524.735.993	7.355.541.564
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.612.966.167	1.612.966.167
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	12.300.763.954	12.310.057.425
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(18.882.463.428)	(19.375.906.953)
IV. Hàng tồn kho	140		1.133.345.993	414.881.379
1. Hàng tồn kho	141	10	1.133.345.993	414.881.379
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.654.243.616	29.062.913
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.625.180.703	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.b	29.062.913	29.062.913
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.566.294.330	178.072.845.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.225.538.927	3.377.890.695
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.233.551.667	2.385.903.435
- Nguyên giá	222		3.501.300.127	3.501.300.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.267.748.460)	(1.115.396.692)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	991.987.260	991.987.260
- Nguyên giá	228		991.987.260	991.987.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	13	76.271.862.919	174.586.504.561
- Nguyên giá	231		80.540.881.324	178.485.216.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.269.018.405)	(3.898.711.629)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.892.484	108.450.281
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	68.892.484	108.450.281
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		86.582.591.194	187.118.566.642

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		51.651.230.420	124.903.796.502
I. Nợ ngắn hạn	310		51.651.230.420	124.903.796.502
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	18.235.010.372	38.186.475.135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	890.406.299	890.406.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.a	64.128.592	63.897.197
4. Phải trả người lao động	314		101.863.000	84.832.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	355.110.832	207.828.105
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	23.601.408.987	40.151.519.653
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	7.418.000.000	44.333.535.675
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		985.302.338	985.302.338
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.931.360.774	62.214.770.140
I. Vốn chủ sở hữu	410		34.931.360.774	62.214.770.140
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.075.000.000	90.075.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	2.138.159.084	2.138.159.084
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	(57.281.798.310)	(29.998.388.944)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(29.998.388.944)	(22.775.159.266)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(27.283.409.366)	(7.223.229.678)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		86.582.591.194	187.118.566.642



Lê Văn Khôi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	91.868.384.255	1.077.318.631
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		91.868.384.255	1.077.318.631
4. Giá vốn hàng bán	11	23	99.093.447.375	406.307.228
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		(7.225.063.120)	671.011.403
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	160.472.198	97.324.634
7. Chi phí tài chính	22	25	-	2.240.093.481
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	2.240.093.481
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	818.181.818	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	932.648.953	1.587.680.689
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.815.421.693)	(3.059.438.133)
11. Thu nhập khác	31	27	2.000.000.000	-
12. Chi phí khác	32	28	15.995.260.400	164.338.879
13. Lợi nhuận khác	40		(13.995.260.400)	(164.338.879)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	(22.810.682.093)	(3.223.777.012)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.472.727.273	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	(27.283.409.366)	(3.223.777.012)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(3.029)	(358)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(3.029)	(358)



Giám đốc

Lê Văn Khôi

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		5.517.371.644	2.846.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(42.600.082.188)	(3.925.049.333)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(462.956.100)	(438.517.200)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.751.202.210)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17.b	(4.472.727.273)	(29.062.913)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.034.148.548	645.962.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.814.539.349)	(570.353.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.549.986.928)	(1.471.021.290)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(414.545.454)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		86.278.636.364	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	160.472.198	101.338.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		86.439.108.562	(313.206.931)
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	7.418.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(44.333.535.675)	(144.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.915.535.675)	(144.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.026.414.041)	(1.928.728.221)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.699.118.610	6.083.012.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.672.704.569	4.154.284.119



Lê Văn Khôi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊ CA VNECO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Điện 3, được thành lập theo Hợp đồng thành lập Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3 - Sài Gòn số 01 CP/PCC3-SANNAM-VDIEN/2003 ngày 06/10/2003 giữa Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam), Công ty TNHH San Nam và Ông Vũ Văn Diệm.

Tháng 04 năm 2006, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Kết cấu thép và mạ kẽm MÊ CA VNECO. Tháng 6 năm 2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002120 thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 8 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với mã số doanh nghiệp là 0303245217. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VES theo Quyết định số 72/QĐ-SGDHN ngày 05/02/2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 18/03/2015.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp truyền tải điện.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế tạo cột thép mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV, các công trình điện công nghiệp - dân dụng;
- Sửa chữa và bảo trì nhà máy điện công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa – quốc tế;
- Mua bán máy móc, vật tư, thiết bị ngành công – nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán);
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao), buôn bán đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có 1 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO – Khách sạn Sài Gòn Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Riêng Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện MÊ CA VNECO – Nhà máy kết cấu thép đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Thành Long nhưng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chưa thay đổi nội dung này.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc, thiết bị	8 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.6 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các khoản thu nhập đó.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn xây lắp và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động xây lắp và cho thuê tài sản.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	149.030.435	80.316.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.523.674.134	6.618.802.496
Cộng	2.672.704.569	6.699.118.610

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH Về Nguồn	-	483.284.025
Công ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	5.945.985.689	5.945.985.689
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	526.981.409	874.502.960
Các đối tượng khác	51.768.895	51.768.890
Cộng	6.524.735.993	7.355.541.564

Trong đó: Phải thu của khách hàng là bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam Công ty đầu tư	526.981.409	874.502.960
Cộng	526.981.409	874.502.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Tân Cơ	279.805.341	279.805.341
Công ty Liên Doanh Phú Mỹ Hưng	309.481.060	309.481.060
Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Thép Thành Long	158.135.627	158.135.627
Công ty TNHH Khanh Lê	384.000.000	384.000.000
Công ty TNHH XD Và TM Thành Đức	93.545.500	93.545.500
Công ty TNHH TM - DV - XD Hưng Thịnh	83.978.000	83.978.000
Ông Nguyễn Gia Quang	72.273.052	72.273.052
Công ty TNHH Xây Lắp Điện Tâm Giang	110.404.148	110.404.148
Các đối tượng khác	121.343.439	121.343.439
Cộng	1.612.966.167	1.612.966.167

8. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hải Vân Sơn (1)	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951	5.037.311.951
+ Lãi vay Công ty trả thay	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951	4.037.311.951
+ Gốc vay Công ty trả thay	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Đỗ Mạnh Hùng (2)	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899	6.140.157.899
Ông Võ Văn Khôi	-	-	10.159.500	10.159.500
Cán bộ công nhân viên	227.553.988	227.553.988	227.553.988	227.553.988
Tạm ứng	860.481.411	-	326.719.675	-
Các đối tượng khác	35.258.705	-	568.154.412	-
Cộng	12.300.763.954	11.405.023.838	12.310.057.425	11.415.183.338

(1) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH Hải Vân Sơn liên quan đến Hợp đồng mua bán Khách sạn Xanh Sài Gòn ngày 28/12/2008. Theo Hợp đồng này Công ty bán Khách sạn Xanh Sài Gòn tại địa chỉ số 740C, đường Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn. Công ty đã thế chấp Khách sạn Xanh Sài Gòn bảo lãnh cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9 Tp. Hồ Chí Minh, số tiền 14 tỷ đồng. Công ty TNHH Hải Vân Sơn nhận tiền vay và đã chuyển cho Công ty số tiền 13 tỷ đồng. Đến thời điểm trả nợ gốc và lãi vay (tương ứng số tiền trình bày trên) thì Công ty TNHH Hải Vân Sơn bị mất khả năng thanh toán. Do tài sản này vẫn chưa làm thủ tục sang tên nên thuộc quyền sở hữu của Công ty và vì vậy Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ thay cho Công ty TNHH Hải Vân Sơn theo quy định của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh đã ký kết.

(2) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng cho Ông Đỗ Mạnh Hùng để thực hiện việc xin cấp giấy phép xây dựng Dự án 277 Bến Bình Đông. Hiện nay dự án này đã được chuyển nhượng cho đối tượng khác và Ông Đỗ Mạnh Hùng đã nghỉ việc và cũng chưa cung cấp hóa đơn chứng từ để quyết toán khoản tạm ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	18.882.463.428	19.375.906.953
- Từ 3 năm trở lên	18.882.463.428	19.375.906.953
Cộng	18.882.463.428	19.375.906.953

Trong đó: Nợ xấu

	30/06/2016			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	5.997.754.575	-		
Công ty TNHH SX TM XNK Thiên Đức	18.000.000	-	> 3 năm	
Chủ thuê KS Green Mê ca - Bùi Bằng Đoàn	3.469.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Cơ khí XD SX Phương Hoàng	29.999.864	-	> 3 năm	
Công ty CP Kết cấu thép Thành Long - Vneco	5.945.985.689	-	> 3 năm	
Công Ty TNHH Cơ Khí Ông Sáu	300.022	-	> 3 năm	
Trả trước người bán	1.479.685.015	-		
Ông Lê Thất Hậu (Sửa phần mềm kế Toán)	1.500.000	-	> 3 năm	
Công ty CP Thương mại Tư vấn Tân Cơ	279.805.341	-	> 3 năm	
Công ty Liên Doanh Phú Mỹ Hưng	309.481.060	-	> 3 năm	
CN Long An - Cty TNHH Thép Thành Long	158.135.627	-	> 3 năm	
DNTN Thương mại Sơn Quốc	14.287.788	-	> 3 năm	
Công ty TNHH XD và TM Thành Đức	93.545.500	-	> 3 năm	
Ông Đặng Thanh Sơn	450.000	-	> 3 năm	
Bảo Minh Sài Gòn - Phòng Khai Thác BH số 1	896.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH Khanh Lê	384.000.000	-	> 3 năm	
Công ty TNHH TM - DV - XD Hưng Thịnh	83.978.000	-	> 3 năm	
Đoàn Văn Hợi (B ngoài DZ 500KV PM-SM)	38.602.547	-	> 3 năm	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Cảnh	42.730.100	-	> 3 năm	
Ông Nguyễn Gia Quang	72.273.052	-	> 3 năm	
Phải thu khác	11.405.023.838	-		
Công ty TNHH Hải Vân Sơn	5.037.311.951	-	> 3 năm	Đã giải thể
Ông Đỗ Mạnh Hùng	6.140.157.899	-	> 3 năm	
Cán bộ công nhân viên	227.553.988	-	> 3 năm	Đã nghỉ việc
Cộng	18.882.463.428	-		

(*) Công ty đánh giá các đối tượng nợ xấu trên là không thể thu hồi được và cũng đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của tất cả các đối tượng nợ xấu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	466.235.175	-	43.793.341	-
Chi phí SX, KD dở dang	667.110.818	-	371.088.038	-
Cộng	1.133.345.993	-	414.881.379	-

(*) Trong tổng số nguyên vật liệu tồn kho tại ngày 30/06/2016, có 422.441.834 đồng là bu lông mạ kẽm, các loại vật tư và phụ kiện dùng để thi công đường dây tải điện mà Công ty nhận mua lại của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam từ năm 2009 đến nay mới được ghi nhận nhập kho theo Biên bản làm việc giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam ngày 22/5/2016

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	635.027.954	1.199.473.636	1.554.873.637	111.924.900	3.501.300.127
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	635.027.954	1.199.473.636	1.554.873.637	111.924.900	3.501.300.127
Khấu hao					
Số đầu kỳ	15.875.699	441.406.780	555.162.511	102.951.702	1.115.396.692
Khấu hao trong kỳ	15.875.699	53.735.644	77.743.682	4.996.743	152.351.768
Số cuối kỳ	31.751.398	495.142.424	632.906.193	107.948.445	1.267.748.460
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	619.152.255	758.066.856	999.711.126	8.973.198	2.385.903.435
Số cuối kỳ	603.276.556	704.331.212	921.967.444	3.976.455	2.233.551.667

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 31.977.000 đồng.

Không có tài sản cố định cầm cố thế chấp vay tại ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	991.987.260	991.987.260
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	991.987.260	991.987.260
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	991.987.260	991.987.260
Số cuối kỳ	991.987.260	991.987.260

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 12, xã An Vĩnh Ngãi, thành phố Tân An, Tỉnh Long An, diện tích 615 m². Mục đích sử dụng làm văn phòng, nhà ở nhân viên và kho chứa vật tư.

13. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (**)	Mặt bằng tại 277 Bến Bình Đông	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	62.025.542.600	18.515.338.724	97.944.334.866	178.485.216.190
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	97.944.334.866	97.944.334.866
Số cuối kỳ	62.025.542.600	18.515.338.724	-	80.540.881.324
Khấu hao lũy kế				
Số đầu kỳ	-	3.898.711.629	-	3.898.711.629
Tăng trong kỳ	-	370.306.776	-	370.306.776
Số cuối kỳ	-	4.269.018.405	-	4.269.018.405
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	62.025.542.600	14.616.627.095	97.944.334.866	174.586.504.561
Số cuối kỳ	62.025.542.600	14.246.320.319	-	76.271.862.919

(*) Quyền sử dụng đất tại lô số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và lô số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Các Quyền sử dụng đất này hiện đang được thế chấp tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) để đảm bảo việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

(**) Bao gồm Khách sạn Green Mê ca Vneco tại lô số R1-72 và R4-71 Bùi Bằng Đoàn, Khu phố Hưng Phước 1, Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Khách sạn Xanh Sài Gòn tại lô số 740C Nguyễn Kiệm, Phường 04, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Các tài sản này hiện cũng đang được thế chấp tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) để đảm bảo việc phát hành trái phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	68.892.484	108.450.281
Cộng	68.892.484	108.450.281

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (*)	17.876.987.737	37.280.412.585
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	65.950.384	65.950.384
Công ty TNHH MTV XD Điện Miền Tây Cao Bằng	24.397.500	24.397.500
Ông Nguyễn Minh Điện	42.159.900	42.159.900
Ông Lê Xuân Điện	111.732.800	111.732.800
Ông Cao Duy Phụng	-	140.000.000
Ông Trần Ngọc Thảo	-	23.166.000
Ông Lê Quang Trị	53.419.825	485.227.280
Các đối tượng khác	60.362.226	13.428.686
Cộng	18.235.010.372	38.186.475.135

(*) Số dư tại ngày 30/06/2016 là khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam được ghi nhận căn cứ vào biên bản làm việc ngày 22/05/2016 liên quan đến vật tư ký gửi và vật tư nhận mua từ năm 2008 và 2009.

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam - Công ty đầu tư	17.876.987.737	37.280.412.585
Cộng	17.876.987.737	37.280.412.585

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi nhánh Long An - Công ty TNHH Thép Thành Long	890.406.299	890.406.299
Cộng	890.406.299	890.406.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	63.897.197	2.338.112.954	2.337.881.559	64.128.592
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.500.000	67.500.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	30.561.200	30.561.200	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	63.897.197	2.439.174.154	2.438.942.759	64.128.592

b. Phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.062.913	4.472.727.273	4.472.727.273	29.062.913
Cộng	29.062.913	4.472.727.273	4.472.727.273	29.062.913

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí công trình	298.609.000	128.599.000
Chi phí trợ cấp thôi việc phải trả	56.501.832	56.501.832
Chi phí khác	-	22.727.273
Cộng	355.110.832	207.828.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	5.264.000	4.350.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.230.495	8.230.495
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	22.432.131.551	33.789.615.497
- Lãi vay phải trả	22.397.429.258	33.148.631.468
- Kinh phí đền bù	34.702.293	543.350.000
- Phải trả khác	-	97.634.029
Thù lao HDQT & BKS	-	51.900.000
Phải trả CBNV	28.652.470	30.293.190
Nhận ký quỹ, ký cược	200.000.000	5.340.000.000
Phải trả khác (*)	927.130.471	927.130.471
Cộng	23.601.408.987	40.151.519.653

(*) Khoản phải trả khác này không được chi tiết cụ thể tên đối tượng.

Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	Công ty đầu tư	22.432.131.551	33.789.615.497
Cộng		22.432.131.551	33.789.615.497

20. Vay và nợ thuê tài chính

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	44.333.535.675	7.418.000.000	44.333.535.675	7.418.000.000
Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam	44.333.535.675	7.418.000.000	44.333.535.675	7.418.000.000
Cộng	44.333.535.675	7.418.000.000	44.333.535.675	7.418.000.000

Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính với bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Vay ngắn hạn		7.418.000.000	44.333.535.675
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	Công ty đầu tư	7.418.000.000	44.333.535.675
Cộng		7.418.000.000	44.333.535.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đây là khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam theo Công văn số 85/MÊCA VNECO_TC-KT đề nghị các khoản thuế liên quan đến việc chuyển nhượng đất dự án tại số 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	90.075.000.000	2.138.159.084	(22.775.159.266)	69.437.999.818
Tăng trong năm	-	-	(7.223.229.678)	(7.223.229.678)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	90.075.000.000	2.138.159.084	(29.998.388.944)	62.214.770.140
Số dư tại 01/01/2016	90.075.000.000	2.138.159.084	(29.998.388.944)	62.214.770.140
Tăng trong kỳ	-	-	(27.283.409.366)	(27.283.409.366)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	90.075.000.000	2.138.159.084	(57.281.798.310)	34.931.360.774

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	30/06/2016	Tỷ lệ %	01/01/2016
Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	70,05	63.100.000.000	70,05	63.100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế ABC	13,40	12.066.000.000	13,40	12.066.000.000
Các cổ đông khác	16,55	14.909.000.000	16,55	14.909.000.000
Cộng	100%	90.075.000.000	100%	90.075.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.007.500	9.007.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.007.500	9.007.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(29.998.388.944)	(22.775.159.266)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(27.283.409.366)	(7.223.229.678)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(57.281.798.310)	(29.998.388.944)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu xây lắp	916.111.532	35.500.452
Doanh thu cho thuê mặt bằng	770.454.541	1.041.818.179
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	90.181.818.182	-
Cộng	91.868.384.255	1.077.318.631

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công ty đầu tư		
Điện Việt Nam	1.051.452.440	166.864.088
- Doanh thu xây lắp	916.111.532	35.500.452
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	135.340.908	131.363.636
Cộng	1.051.452.440	166.864.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn xây lắp	821.255.088	36.000.452
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	327.857.421	370.306.776
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	97.944.334.866	-
Cộng	99.093.447.375	406.307.228

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	160.472.198	97.324.634
Cộng	160.472.198	97.324.634

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền vay	-	2.240.093.481
Cộng	-	2.240.093.481

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí hoa hồng môi giới bán BĐS đầu tư	818.181.818	-
Cộng	818.181.818	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	35.489.992	5.567.497
Chi phí nhân viên quản lý	675.706.160	437.064.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	99.375.188	53.927.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	555.020.207	910.854.528
Các khoản khác	60.500.931	180.266.512
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(493.443.525)	-
Cộng	932.648.953	1.587.680.689

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu tiền phạt khách hàng vi phạm hợp đồng	2.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000	-

Đây là khoản thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng liên quan đến việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại dự án số 277 Bến Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá trị vật tư công trường bị mất	-	39.040.579
Chi phí các công trình đã nghiệm thu năm trước	79.495.200	125.298.300
Chi phí vật tư các kỳ trước bỏ sót chưa ghi nhận (*)	15.829.365.200	-
Chi phí hỗ trợ di dời trả lại mặt bằng 277 Bến Bình Đông	85.000.000	-
Chi phí khác	1.400.000	-
Cộng	15.995.260.400	164.338.879

(*) Đây là giá trị vật tư thu hồi (bao gồm: thép, bu lông mạ kẽm) mà Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (Tổng Công ty) ký gửi tại kho Nhà máy chế tạo kết cấu thép của Công ty theo Biên bản gửi hàng ngày 31/12/2008. Năm 2009 và năm 2010, Công ty chuyển nhượng Nhà máy chế tạo kết cấu thép cũng như toàn bộ lượng vật tư thép, bu lông hiện có tại Nhà máy cho Công ty Cổ phần Kết cấu thép Thành Long. Biên bản làm việc giữa Tổng Công ty và Công ty vào ngày 22/5/2016 đã xác nhận toàn bộ số vật tư mà Tổng Công ty ký gửi trên đã được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng Nhà máy và giá trị chuyển nhượng liên quan đến số vật tư ký gửi này đã được Công ty ghi nhận vào Thu nhập khác trong năm 2010. Do đó hai bên thống nhất là Công ty phải thanh toán lại cho Tổng Công ty giá trị vật tư đã chuyển nhượng này và Công ty đã ghi nhận khoản giá gốc của giá trị vật tư này vào chi phí khác của năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2016.

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.810.682.093)	(3.223.777.012)
- LNKT hoạt động kinh doanh	(14.229.983.591)	(3.223.777.012)
- LNKT hoạt động chuyển nhượng BĐS đầu tư	(8.580.698.502)	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	47.191.595.266	2.656.432.360
- Điều chỉnh tăng	47.191.595.266	2.656.432.360
- Chi phí không phù hợp doanh thu	15.995.260.400	164.338.879
- Chi phí lãi vay do góp thiếu vốn điều lệ	-	2.240.093.481
- Thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	252.000.000	252.000.000
- Chi phí dự án bị hủy bỏ	30.944.334.866	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	24.380.913.173	(567.344.652)
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	2.017.276.809	(567.344.652)
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS đầu tư	22.363.636.364	-
Chuyển lỗ các năm trước	2.017.276.809	-
Tổng thu nhập tính thuế	22.363.636.364	-
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng BĐS đầu tư	22.363.636.364	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.472.727.273	-

30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(27.283.409.366)	(3.223.777.012)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(27.283.409.366)	(3.223.777.012)
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.007.500	9.007.500
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	(3.029)	(358)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	472.408.000	-
Chi phí nhân công	589.987.560	578.534.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.658.544	487.379.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.875.810	1.275.155.332
Chi phí khác bằng tiền	1.288.479.671	1.439.431.172
Cộng	3.689.409.585	3.780.500.905

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai bộ phận kinh doanh chính là hoạt động xây lắp và hoạt động cho thuê tài sản và một bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Xây lắp		Cho thuê tài sản		Khác		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu bán hàng & CC d.vụ	916.111.532	35.500.452	770.454.541	1.041.818.179	90.181.818.182	-	91.868.384.255	1.077.318.631
Giá vốn bộ phận	821.255.088	36.000.452	327.857.421	370.306.776	97.944.334.866	-	99.093.447.375	406.307.228
Doanh thu hoạt động tài chính	87.165.533	3.207.100	73.306.665	94.117.534	-	-	160.472.198	97.324.634
Chi phí tài chính	-	73.816.909	-	2.166.276.572	-	-	-	2.240.093.481
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	818.181.818	-	818.181.818	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	506.597.681	52.318.210	426.051.272	1.535.362.479	-	-	932.648.953	1.587.680.689
Lợi nhuận thuần h. động KD	(324.575.704)	(123.428.019)	89.852.513	(2.936.010.114)	(8.580.698.502)	-	(8.815.421.693)	(3.059.438.133)
Thu nhập khác	-	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Chi phí khác	80.895.200	164.338.879	-	-	15.914.365.200	-	15.995.260.400	164.338.879
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	(80.895.200)	(164.338.879)	-	-	(13.914.365.200)	-	(13.995.260.400)	(164.338.879)
Lợi nhuận trước thuế	(405.470.904)	(287.766.898)	89.852.513	(2.936.010.114)	(22.495.063.702)	-	(22.810.682.093)	(3.223.777.012)
Thuế TNDN	-	-	-	-	4.472.727.273	-	4.472.727.273	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(405.470.904)	(287.766.898)	89.852.513	(2.936.010.114)	(26.967.790.975)	-	(27.283.409.366)	(3.223.777.012)
Tài sản dài hạn	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản cố định hữu hình	2.233.551.667	2.385.903.435	-	-	-	-	2.233.551.667	2.385.903.435
- Nguyên giá	3.501.300.127	3.501.300.127	-	-	-	-	3.501.300.127	3.501.300.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.267.748.460)	(1.115.396.692)	-	-	-	-	(1.267.748.460)	(1.115.396.692)
Tài sản cố định vô hình	991.987.260	991.987.260	-	-	-	-	991.987.260	991.987.260
- Nguyên giá	991.987.260	991.987.260	-	-	-	-	991.987.260	991.987.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	76.271.862.919	174.586.504.561	-	-	76.271.862.919	174.586.504.561
- Nguyên giá	-	-	80.540.881.324	178.485.216.190	-	-	80.540.881.324	178.485.216.190
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	(4.269.018.405)	(3.898.711.629)	-	-	(4.269.018.405)	(3.898.711.629)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do không có các giao dịch mua bán thanh toán bằng ngoại tệ, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty hiện chỉ có duy nhất một khoản vay của Công ty mẹ và khoản vay này lãi suất bằng 0. Do đó, Giám đốc cho rằng rủi ro về lãi suất của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Giám đốc đánh giá rằng công tác quản lý rủi ro tín dụng của Công ty trong thời gian qua chưa hiệu quả dẫn đến có một số lượng lớn các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bị quá hạn liên quan đến một số khách hàng không có khả năng thanh toán. Do đó, Giám đốc Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp cản trở công nợ, đôn đốc thu nợ kịp thời và lập dự phòng rủi ro.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	18.235.010.372	-	18.235.010.372
Chi phí phải trả	355.110.832	-	355.110.832
Vay và nợ thuê tài chính	7.418.000.000	-	7.418.000.000
Phải trả khác	22.632.131.551	-	22.632.131.551
Cộng	48.640.252.755	-	48.640.252.755

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	38.186.475.135	-	38.186.475.135
Chi phí phải trả	207.828.105	-	207.828.105
Vay và nợ thuê tài chính	44.333.535.675	-	44.333.535.675
Phải trả khác	39.129.615.497	-	39.129.615.497
Cộng	121.857.454.412	-	121.857.454.412

Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng tin rằng với sự hỗ trợ của Công ty mẹ, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.672.704.569	-	2.672.704.569
Phải thu khách hàng	526.981.409	-	526.981.409
Phải thu khác	35.258.705	-	35.258.705
Cộng	3.234.944.683	-	3.234.944.683

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.699.118.610	-	6.699.118.610
Phải thu khách hàng	874.502.960	-	874.502.960
Phải thu khác	568.154.412	-	568.154.412
Cộng	8.141.775.982	-	8.141.775.982

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 4/8/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thông qua các nội dung sau:

- Bổ nhiệm Giám đốc mới là ông Lê Văn Khôi thay thế cho Giám đốc cũ là ông Lâm Quốc Hải kể từ ngày 08/08/2016.
- Đồng ý để ông Ngô Văn Cường rút khỏi Hội đồng quản trị và bổ nhiệm ông Lê Văn Khôi là thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

viên mới, đồng thời bầu ông Khôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2012-2017. Thống nhất triệu tập Đại hội cổ đông bất thường sớm nhất để thông qua việc thay đổi nhân sự của Hội đồng Quản trị. Cho đến thời điểm hiện nay, Đại hội cổ đông của Công ty chưa được triệu tập.

- Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét chuyển nhượng Khách sạn Xanh Meca tại R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh; rút cổ phiếu của Công ty (VES) khỏi sàn giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và giảm số lượng thành viên HĐQT Công ty từ 5 thành viên xuống 3 thành viên.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến ngày 30/06/2016, lỗ lũy kế của Công ty là 57.281.798.310 đồng. Tại thời điểm này, các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản lưu động là 44.634.933.556 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Giám đốc Công ty đánh giá rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty có khả năng hoạt động liên tục là phù hợp.

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam VNECO (là Công ty mẹ có cổ phần chi phối chiếm 65,87% vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty, chiếm 70,05% vốn thực góp của Công ty tính đến ngày 30/06/2016); các thành viên trong Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng Công ty CP XD Điện Việt Nam	Giá trị khối lượng xây lắp	916.111.532	35.500.452
	Cần trừ nợ vay ngắn hạn	44.333.535.675	131.363.636
	Lãi vay phải trả	10.751.202.210	2.240.093.481
	Chuyển tiền đền bù	-	645.962.000
	Cần trừ tiền đền bù	508.647.707	-
	Cần trừ nợ phải trả khác	97.634.029	-
	Nhận nợ vật tư	17.876.987.737	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Thù lao HĐQT và Thu nhập Ban Giám đốc

Bên liên quan	Nội dung	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hội đồng quản trị	Thù lao	147.000.000	147.000.000
Giám đốc	Thu nhập	132.000.000	99.000.000
Cộng		279.000.000	246.000.000

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.



Giám đốc

Lê Văn Khôi

Kế toán trưởng

Mai Thái Dũng

Người lập biểu

Mai Thái Dũng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016